

CHÍNH PHỦ
Số: 15/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về việc quản lý thức ăn chăn nuôi

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Trong Nghị định này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vật nuôi gồm các loại gia súc, gia cầm, ong, tằm, thủy sản.
- Thức ăn chăn nuôi là sản phẩm đã qua chế biến công nghiệp có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật, hoá chất, khoáng chất cung cấp cho vật nuôi các chất dinh dưỡng để bảo đảm cho hoạt động sống, sinh trưởng, phát triển và sinh sản.
- Nguyên liệu thức ăn, hay thức ăn đơn là các loại sản phẩm dùng để chế biến thành thức ăn chăn nuôi.
- Thức ăn bổ sung là loại vật chất cho thêm vào khẩu phần ăn để cân đối thêm các chất cần thiết cho cơ thể vật nuôi.
- Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh là hỗn hợp nhiều thức ăn đơn được phối chế theo công thức, bảo đảm có đủ các chất dinh dưỡng duy trì được đời sống và sức sản xuất của vật nuôi không cần cho thêm loại thức ăn nào khác ngoài nước uống.
- Thức ăn giàu đạm là thức ăn có hàm lượng protein thô trên 35% tính theo trọng lượng vật chất khô.

7. Thức ăn đậm đặc là thức ăn giàu đạm có hàm lượng cao về protein, khoáng, vitamin, axit amin và kháng sinh.
8. Premix là hỗn hợp chất dinh dưỡng cùng với chất mang (chất đệm).
9. Khẩu phần hàng ngày là lượng thức ăn cần thiết đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng trong một ngày đêm cho một vật nuôi theo từng giai đoạn để duy trì, phát triển đảm bảo đạt năng suất nhất định.
10. Thức ăn hàng hoá là thức ăn được lưu thông, tiêu thụ trên thị trường.

Điều 2. Nhà nước thống nhất quản lý về sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi nhằm bảo hộ lợi ích hợp pháp của người sản xuất, kinh doanh và người sử dụng thức ăn chăn nuôi.

Điều 3. Nhà nước đầu tư vốn ngân sách vào việc:

1. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước về kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi;
2. Đào tạo cán bộ chuyên ngành về thức ăn chăn nuôi làm nhiệm vụ kiểm nghiệm đánh giá chất lượng thức ăn, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng thức ăn cho vật nuôi.

Điều 4. Nhà nước có chính sách tín dụng phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi để tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, từng bước hiện đại hoá ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Điều 5. Tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài sản xuất thức ăn chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có địa điểm, nhà xưởng, trang thiết bị, quy trình công nghệ để sản xuất thức ăn bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh chăn nuôi thú y và vệ sinh môi trường;
2. Có điều kiện hoặc phương tiện kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm trước khi xuất xưởng.
3. Có nhân viên kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải có giấy phép kinh doanh theo pháp luật.

Điều 7. Tổ chức, cá nhân sản xuất các loại thức ăn chăn nuôi hàng hoá phải đăng ký tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thức ăn xuất xưởng phải qua kiểm nghiệm, ghi kết quả kiểm nghiệm và lưu mẫu để theo dõi.

Điều 9. Tổ chức, cá nhân chỉ được sản xuất các loại thức ăn chăn nuôi đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký và có nhãn hiệu hàng hoá.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi không được đồng thời sản xuất, kinh doanh các hàng hoá khác có độc hại ở cùng một địa điểm.

Điều 11. Địa điểm sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải treo biển tên doanh nghiệp đã đăng ký.

Điều 12. Cấm sản xuất, kinh doanh các loại thức ăn chăn nuôi sau đây:

1. Thức ăn kém phẩm chất hoặc quá hạn;
2. Thức ăn không đăng ký hoặc đã bị đình chỉ, thu hồi đăng ký;
3. Thức ăn đựng trong bao bì không đúng quy cách, không có nhãn hiệu;
4. Thức ăn chăn nuôi có trong danh mục không được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành nông nghiệp; Bộ trưởng Bộ thuỷ sản quy định thức ăn chăn nuôi thuộc ngành thuỷ sản;
5. Thức ăn chăn nuôi có hoạt tính hoócmon hoặc kháng hoócmon, hoặc các độc tố và các chất có hại trên mức quy định.

Điều 13. Các loại thức ăn chăn nuôi hàng hoá đều phải có bao bì và có nhãn. Trường hợp giao hàng rời, không cần có nhãn thì phải có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo hợp đồng, có ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng.

Điều 14. Các nguyên liệu quý hiếm dùng làm thức ăn chăn nuôi phải đựng trong bao bì và phải có nhãn.

Điều 15. Nhãn hiệu phải ghi bằng chữ Việt Nam, cũng có thể ghi thêm bằng chữ nước ngoài, nội dung ghi trên nhãn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành nông nghiệp; Bộ Thuỷ sản đối với thức ăn chăn nuôi thuộc ngành thuỷ sản.